

Bản án số: 327/2026/HS-ST
Ngày: 03 - 6 -2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Dừa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Mộng Thu
2. Ông Nguyễn Tấn Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khắc Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10 - thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Mai Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2026 tại Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 424/2026/TLST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1876/2026/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 5 năm 2026 đối với:

*** Các bị cáo:**

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn T**; Giới tính: Nam; Sinh năm 1972 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Căn cước công dân số: 079072031413; Nơi thường trú: 120/7 đường B, Khu phố B, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là 120/7 đường B, Khu phố F, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh). Nơi cư trú: Nhà không số, Ấp A, xã V, huyện B (nay là xã T), Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Nguyễn Văn T1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Kim H (đã chết); Bị cáo có vợ tên Giang Mỹ L, chưa có con; Tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 04/02/1999, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 10 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Bản án số 284/HSST. Ngày 17/11/2006, chấp hành xong hình phạt tù tại Trại giam T5. Bị cáo chưa thi hành khoản nộp phạt 20.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

Nhân thân: Ngày 30/9/2013, Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh trong thời hạn 24 tháng theo Quyết định số 8818/QĐ-UBND tại Trung tâm C. Ngày 20/9/2015, chấp hành xong.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/01/2025 cho đến nay (có mặt).

2. **Họ và tên: Võ Hoàng D**; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1990 tại tỉnh Bến Tre (nay là tỉnh Vĩnh Long); Căn cước công dân số: 083090000247; Nơi thường trú: A, Ấp F, xã V, huyện B (nay là xã T), Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: Nhà không số, ấp B, xã V, huyện B (nay là xã T), TP .; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Tự do; Con ông Võ Văn Đ và bà Huỳnh Thị L1; Bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Cẩm T2 và có 01 người con sinh năm 2024; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 09/4/2021, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 15 tháng theo Quyết định số 347/QĐ-TA tại Cơ sở cai nghiện ma túy Đ2. Ngày 30/4/2022, chấp hành xong.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/01/2025 cho đến nay (có mặt).

3. **Họ và tên: Nguyễn Thị Ngọc N**; Giới tính: Nữ; Sinh năm: 1994 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Căn cước công dân số: 079194031621; Nơi thường trú: 2 đường số A, Khu phố B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (Trước đây là 21/37 đường số A, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh). Nơi cư trú: Không nơi cư trú nhất định; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 3/12; Nghề nghiệp: Tự do; Con ông Nguyễn Văn H1 (đã chết) và bà Vương Thị Ngọc N1; Bị cáo có chồng tên Nguyễn Ngọc H2 và có 04 người con sinh năm 2010, 2013, 2018 và 2022; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/01/2025 cho đến nay (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông **Bùi Hoàng L2**, sinh năm: 2000 (0703609032); Địa chỉ: 2 B, phường B, quận B (nay là phường B), Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

2. Ông **Đỗ Quang T3**, sinh năm: 1952 (0944362667); Địa chỉ: Tổ D, phường T, tỉnh Gia Lai. (vắng mặt)

3. Bà **Vương Thị Ngọc N1**; Nơi thường trú: 2 đường số A, Khu phố B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: 3 L, phường T, quận B (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

4. Ông **Võ Công K**, sinh năm 1987; Địa chỉ: C T, Ấp A, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 18 giờ 30 phút ngày 11/01/2025, Công an xã V tiến hành kiểm tra cư trú tại Nhà không số, Ấp A, xã V, huyện B (nay là xã T), Thành phố Hồ Chí Minh, có

mặt Võ Hoàng D, Nguyễn Thị Ngọc N, Võ Công K và Nguyễn Văn T. Qua kiểm tra, phát hiện, thu giữ của Nguyễn Văn T 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy chứa tinh thể, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn có khối lượng 0,1239 gam loại Methamphetamine, thu giữ của Nguyễn Thị Ngọc N 01 gói nylon hàn kín chứa tinh thể, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn có khối lượng 0,2582 gam loại Methamphetamine và các vật dụng liên quan khác. Các đối tượng khai nhận vừa tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Do đó, lực lượng Công an tiến hành lập biên bản sự việc, thu giữ, niêm phong vật chứng và đưa D, N, K, T về trụ sở Công an để làm rõ.

Kết quả xét nghiệm ma túy đối với D, N, K, T đều dương tính với chất ma túy loại Methamphetamine.

Tất cả số ma túy và dụng cụ thu giữ của Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Ngọc N đã được giám định, kết quả thể hiện tại Kết luận giám định số 1999/KL-KTHS ngày 24/01/2025 của Phòng K1 Công an Thành phố H.

Quá trình điều tra, xác định hành vi phạm tội của các bị cáo như sau:

Vào khoảng 19 giờ 00 phút ngày 10/01/2025, Nguyễn Văn T gọi điện thoại cho Đ1 (không rõ lai lịch) để mua 01 gói ma túy đá (M) với giá 200.000 đồng. Sau đó, T gọi điện thoại rủ Võ Hoàng D “khi nào rảnh qua chơi, anh em mình hùn tiền trả” (tức qua nhà T, cùng hùn tiền mua ma túy sử dụng) thì D đồng ý nhưng không đến nên T tự lấy một ít ma túy ra sử dụng 1 mình rồi tháo cất bộ dụng cụ vào bếp. Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 11/01/2025, D nhắn tin và gọi điện thoại rủ Võ Công K sử dụng ma túy thì K đồng ý và chạy xe qua nhà D. Sau đó, D tiếp tục gọi rủ Nguyễn Thị Ngọc N đi uống cà phê. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, K chở D đến quán cà phê trên đường H, Quận B để gặp N. Tại đây, cả ba rủ nhau đến nhà T để cùng sử dụng ma túy theo lời mời của T. N đi về nhà lấy 01 gói ma túy đá có khối lượng 0,2582 gam loại Methamphetamine (Nở mua của đối tượng tên T4 (không rõ lai lịch)) mang theo để khi cả nhóm có nhu cầu thì lấy ra sử dụng chung. Khi đến nhà T tại địa chỉ Nhà không số, Ấp A, xã V, huyện B (nay là xã T), Thành phố Hồ Chí Minh, T dẫn K, D, N xuống nhà bếp. Tại đây, T kêu D lấy bộ dụng cụ có sẵn ma túy bên trong và lấy 01 gói nylon chứa ma túy có sẵn trên bếp đổ vào bộ dụng cụ để sử dụng. D cầm đốt ma túy cho T sử dụng, sau đó D tự đốt ma túy để sử dụng, tiếp đến D lần lượt cầm đốt ma túy cho anh K và N sử dụng. Thấy ma túy trong bộ dụng cụ sắp hết nên D dự định lấy gói ma túy của N mang theo đổ vào bộ dụng cụ để cả nhóm sử dụng tiếp thì lực lượng Công an đến kiểm tra, D vứt bộ dụng cụ sử dụng ma túy vào góc bếp làm ống thủy tinh bị vỡ 01 đầu bên trong có 0,1239 gam Methamphetamine chưa sử dụng hết, còn N thì vứt gói ma túy có khối lượng 0,2582 gam Methamphetamine mang theo xuống nền gạch.

Trước đó khoảng 01 tháng, T rủ D, K, N cùng sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà T. T mua 400.000 đồng ma túy đá và chuẩn bị dụng cụ cho cả nhóm sử dụng. Do thời gian đã lâu nên các bị cáo không xác định được ngày, T cho D, K, N sử dụng ma túy miễn phí. Sau khi sử dụng xong bộ dụng cụ bị bể nên T đã vứt bỏ, không thu hồi được.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã có Công văn yêu cầu Công ty Cổ phần V cung cấp thông tin số điện thoại 0898536222 của T4 (người đã bán ma túy cho N) và số 0585660048 của Đ1 (người bán ma túy cho T) nhưng đến nay chưa có kết quả.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo Nguyễn Văn T, Võ Hoàng D và Nguyễn Thị Ngọc N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội theo nội dung như trên. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Cáo trạng số 534/CT-VKS-HS ngày 28/4/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm a, b, h khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Truy tố bị cáo Võ Hoàng D về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Truy tố bị cáo Nguyễn Thị Ngọc N về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

*** Tại phiên tòa:**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh như Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử;

+ Áp dụng điểm a, b, h khoản 2 Điều 255; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 10 năm đến 11 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

+ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Võ Hoàng D từ 08 năm đến 9 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

+ Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025) xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc N từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

+ Vật chứng vụ án:

Đề nghị tịch thu sung Ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động RedmiNote; 01 điện thoại di động Samsung màu vàng; 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J6+ màu đen; 01 điện thoại di động Realme 5.

Đề nghị tịch thu tiêu hủy: Số ma túy thu giữ (còn lại sau giám định); 01 gói nylon rỗng; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy (gồm 01 nắp nhựa màu đỏ bên trên có gắn 01 ống hút màu hồng, 01 ống thủy tinh bị vỡ một đầu, 01 vỏ chai nhựa); 01 hộp quẹt gas;

Đề nghị giao cơ quan thi hành án tiến hành đăng tin tìm chủ sở hữu và xử lý đối với 01 xe mô tô biển số 81F6-5345, số máy: HD1P53FMHY0264026.

Đề nghị ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả cho bà Vương Thị Ngọc N1 01 điện thoại di động Iphone 6S; Trả cho ông Bùi Hoàng L2 01 xe mô tô biển số 59NA-24259;

- Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và không có ý kiến gì đối với đồ vật bị thu giữ. Các Bị cáo thành khẩn khai báo và có thái độ ăn năn hối cải. Các bị cáo không tranh luận và lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Cơ quan Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, đương sự không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được và kết quả tranh luận tại phiên tòa, có đủ căn cứ kết luận hành vi phạm tội cụ thể của các bị cáo như sau:

[2.1] Vào khoảng 18 giờ 30 phút ngày 11/01/2025, tại Nhà không số, Ấp A, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã T, Thành phố Hồ Chí Minh), Nguyễn Văn T đã chuẩn bị địa điểm, cung cấp bộ dụng cụ sử dụng ma túy và cùng Võ Hoàng Duy thực H3 việc tổ chức cho Nguyễn Thị Ngọc N, Võ Công K và chính các bị cáo sử dụng trái phép chất ma túy. Khi các bị cáo đang thực hiện hành vi thì bị lực lượng Công an kiểm tra, phát hiện bắt quả tang.

Do đó, có đủ căn cứ xác định hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn T và Võ Hoàng D đã phạm vào tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Ngoài lần phạm tội nêu trên, quá trình điều tra còn xác định khoảng 01 tháng trước ngày bị bắt quả tang, Nguyễn Văn T đã chuẩn bị ma túy và dụng cụ sử dụng ma túy để cho Võ Hoàng D, Nguyễn Thị Ngọc N và Võ Công K cùng sử dụng tại nhà của mình. Nội dung này phù hợp với lời khai của các bị cáo và người có liên quan trong hồ sơ vụ án. Như vậy, bị cáo Nguyễn Văn T đã thực hiện hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy từ hai lần trở lên nên phải chịu tình tiết định khung hình phạt “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xét thấy, ngày 04/02/1999, bị cáo Nguyễn Văn T bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 10 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Bản án số 284/HSST. Ngày 17/11/2006, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa thi hành khoản tiền phạt bổ sung 20.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước theo bản án nêu trên. Do đó, đến thời điểm thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Văn T thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Như vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thuộc trường hợp phạm tội “Đối với 02 người trở lên”,

“Phạm tội 02 lần trở lên” và “Tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại các điểm a, b, h khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Hành vi của bị cáo Võ Hoàng D đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thuộc trường hợp phạm tội “Đối với 02 người trở lên” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[2.2] Đối với hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Ngọc N: Tại thời điểm bị bắt quả tang, cơ quan Công an thu giữ của bị cáo 01 gói ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 0,2582 gam. Quá trình điều tra xác định số ma túy này do bị cáo N mang theo nhằm sử dụng theo sự bàn bạc, thống nhất từ trước giữa N, D và K nhưng chưa kịp sử dụng thì bị phát hiện bắt quả tang.

Hồ sơ vụ án thể hiện khi Nguyễn Văn T rủ Võ Hoàng D đến nhà sử dụng ma túy, D đã hẹn gặp N và K tại quán cà phê. Tại đây, cả ba cùng bàn bạc việc sử dụng ma túy và thống nhất để N về nhà lấy số ma túy đang có mang đến nhà T để cùng sử dụng. Ngoài ra, lời khai của các bị cáo và ông Võ Công K còn thể hiện khoảng một tháng trước ngày bị bắt quả tang, các đối tượng đã cùng nhau tụ tập sử dụng ma túy tại nhà T và có thỏa thuận mỗi người góp 100.000 đồng để hoàn trả chi phí mua ma túy cho T sau khi sử dụng.

Đối với các tình tiết nêu trên, Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung, yêu cầu làm rõ vai trò của Nguyễn Thị Ngọc N, Võ Hoàng D trong hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; đồng thời làm rõ hành vi của Võ Công K để xác định có hay không dấu hiệu đồng phạm với các bị cáo khác trong tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, tránh bỏ lọt tội phạm và người phạm tội.

Tuy nhiên, sau khi điều tra bổ sung, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Thị Ngọc N về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Võ Công K và giữ nguyên tình tiết định khung hình phạt đã truy tố đối với bị cáo Võ Hoàng D. Xét thấy, trong giới hạn xét xử, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử các bị cáo theo Cáo trạng truy tố nhưng kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền điều tra, xem xét, bảo đảm không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội trong vụ án.

Do đó, với khối lượng 0,2582 gam Methamphetamine bị thu giữ, hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Ngọc N đã cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và vai trò đồng phạm của các bị cáo:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, thừa nhận hành vi phạm tội của mình; do đó được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, bị cáo Nguyễn Văn T có nhân thân xấu, bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 24 tháng tại Trung tâm C và từng bị kết án về tội phạm ma túy (nhưng tình tiết tái phạm nguy hiểm đã được dùng làm tình tiết định khung theo điểm h khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự nên không tiếp tục xem là tình tiết tăng nặng khi lượng hình); bị cáo Võ Hoàng D có nhân thân bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 15 tháng nhưng tiếp tục phạm tội nên cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Võ Hoàng D là đồng phạm về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Trong đó, bị cáo T là người khởi xướng, chuẩn bị ma túy, địa điểm và rủ rê các đối tượng tham gia nên giữ vai trò chính; bị cáo D tích cực tham gia, trực tiếp rủ người khác sử dụng ma túy, pha chế ma túy và sử dụng ma túy.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét đầy đủ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; vai trò đồng phạm của từng bị cáo; nhân thân cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định mức hình phạt tương xứng đối với từng bị cáo, bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật.

Ngoài ra, xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định và không thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[4] Đối với Đ1 (người bán ma túy cho T) và T4 (người bán ma túy cho N) do chưa xác định được lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H tiếp tục truy xét để làm rõ và xử lý sau.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 gói nylon rỗng; 01 gói được niêm phong bên trong có ma túy; 01 bì niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Nguyễn Thị Ngọc N, bên trong có 01 gói nylon chứa ma túy Methamphetamine; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy (gồm: 01 nắp nhựa màu đỏ bên trên có gắn 01 ống hút màu hồng, 01 ống thủy tinh bị vỡ một đầu, 01 vỏ chai nhựa); 01 hộp quẹt gas: Đây là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội; bị cầm tàng trữ, lưu hành hoặc không còn giá trị sử dụng hợp pháp nên cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với các vật chứng khác, cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả cho bà Vương Thị Ngọc N1 01 điện thoại di động Iphone 6S; Trả cho ông Bùi Hoàng L2 01 xe mô tô biển số 59NA-24259, số khung: RLHJA3933RY815484, số máy: JA70E-0545264. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 điện thoại di động Redmi Note cùng 01 sim thu của Nguyễn Thị Ngọc N (dùng vào việc phạm tội); 01 điện thoại di động Samsung màu vàng cùng 01 sim thu của Nguyễn Văn T (dùng để liên lạc mua ma túy); 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J6+ màu đen cùng 01 sim thu của Võ Hoàng D (dùng vào việc phạm tội); 01 điện thoại di động Realme 5 cùng 01 sim thu của Võ Công K sử dụng liên hệ sử dụng

ma túy. Xét thấy, các tài sản này liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần tịch thu, sung Ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 xe mô tô biển số 81F6-5345, số máy: HD1P53FMHY0264026 do Đỗ Quang T3 đứng tên chủ sở hữu. Năm 2014, ông T3 đã bán xe cho L3 (không rõ lai lịch). Võ Công K khai mua xe trên của 01 người bạn ngoài xã hội (không rõ lai lịch). Xét thấy, cần giao cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành đăng tin và xử lý theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a, b, h khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T** 12 (mười hai) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/01/2025.

2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Võ Hoàng D** 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/01/2025.

3. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Ngọc N** 02 (hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/01/2025.

4. Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều 106, 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự;

4.1. Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động Redmi Note cùng 01 sim thu của Nguyễn Thị Ngọc N; 01 điện thoại di động Samsung màu vàng cùng 01 sim thu của Nguyễn Văn T; 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J6+ màu đen cùng 01 sim thu của Võ Hoàng D; 01 điện thoại di động Realme 5 cùng 01 sim thu của Võ Công K.

4.2. Tịch thu tiêu hủy: 01 gói nylon rỗng; 02 gói niêm phong bên trong có ma túy, loại Methamphetamine và 01 ống thủy tinh bị vỡ một đầu; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy (gồm: 01 nắp nhựa màu đỏ bên trên có gắn 01 ống hút màu hồng, 01 vỏ chai nhựa); 01 hộp quẹt gas.

4.3. Hội đồng xét xử xét thấy, cần giao Thi hành án dân sự Thành phố H cho đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 06 (sáu) tháng để tìm chủ sở hữu hợp pháp đối với 01 xe mô tô biển số 81F6-5345, số máy: HD1P53FMHY0264026. Trong hạn trên ai xuất trình đầy đủ các tài liệu chứng minh

chủ sở hữu thì trả lại. Quá thời hạn trên không ai đến nhận thì tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

(Vật chứng trên, Thi hành án dân sự Thành phố H đang tạm giữ theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 17/7/2025 giữa đại diện Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh và Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

5. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về án phí: Mỗi bị cáo chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 10 – TP. Hồ Chí Minh;
- Bị cáo; đương sự; nơi đang giam giữ bị cáo;
- Thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng hồ sơ - CA TP.HCM PV06;
- Trại tạm giam Chí Hoà – Phân trại tạm giam Bình Trị Đông (cơ sở) - Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- Trại tạm giam Chí Hoà – Phân trại tạm giam Chánh Hưng (cơ sở) - Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- Trại tạm giam Chí Hòa - Công an TP. Hồ Chí Minh;
- Lưu: Vp, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Văn Dựa



2AAKKCR*dfhca1+